

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01/7/2022

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;

2. Bà Lê Bích Loan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 202/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1990, nơi cư trú: tổ 12, ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh năm 1987, nơi cư trú: tổ 13, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

- Về hôn nhân: Ông bà là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Ông bà đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện A một lần vào năm 2014 và quay về chung sống, thực hiện đăng ký kết hôn lần hai tại Ủy ban nhân dân xã P vào năm 2019. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2021 thì vợ chồng xảy ra cự cãi do bất đồng ý kiến, không còn tiếng nói chung trong chuyện kinh tế, chi tiêu trong gia đình. Nhiều lần vợ chồng tranh cãi ông K có lời lẽ xúc phạm bà C cùng gia đình bà, cha mẹ hai bên có khuyên ngăn nhưng không thành, ông bà đã không còn chung sống từ tháng 02/2022 đến nay. Nay nhận thấy chung sống không hạnh phúc nên bà quyết định ly hôn.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 19/12/2010 và Trần Đăng K, sinh ngày 14/6/2019, từ trước đến nay hai con do bà C chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông K cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn K trình bày: Thống nhất lời trình bày của bà C về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của bà C trình bày là không đúng. Ông cho rằng trong cuộc sống vợ chồng có cự cãi là chuyện bình thường, bà C đang làm quá vấn đề dẫn đến hai vợ chồng ly hôn. Từ khi ly thân từ tháng 02/2022 bà C về nhà mẹ ruột sống, ông có nhiều lần đến để hàn gắn nhưng bà C rất cương quyết và không có ý hành gắn tình cảm. Nay ông vẫn còn tình cảm với vợ và thương các con nên không đồng ý ly hôn.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Cháu Trần Thị Anh T có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn và không có yêu cầu gì về cha.

Tại phiên tòa, bà C và ông K bảo lưu ý kiến.

Bà C trình bày: Ông K chung sống nhưng không có trách nhiệm với vợ con, cháu K mắc bệnh về khiếm thính, chậm nói và ảnh hưởng đến dây thần kinh bên phải bác sĩ chỉ định lắp máy trợ thính và tập vật lý trị liệu với chi phí 35 triệu đồng, ông K biết nhưng chỉ đưa cho bà 2.000.000đ; ông K không cùng bà đi chữa trị cho con nhưng mỗi lần bà đi thì ông ghen tuông vô cớ nên bà không thể tiếp tục chung sống, kiên quyết ly hôn.

Ông K trình bày: Ông hiện là tài xế xe dịch vụ với thu nhập khoảng 4.000.000đ/tháng nên việc bà C yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung ông không đồng ý. Ông yêu cầu chia cho ông nuôi một con và bà C không phải cấp dưỡng.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung:

- Về hôn nhân: Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng bà C kiên quyết và giữ nguyên ý kiến tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị chấp nhận.

- Về con chung: Cháu T có nguyện vọng tiếp tục chung sống với mẹ; cháu K tuy đã đủ 36 tháng tuổi nhưng từ nhỏ được mẹ chăm sóc và cùng điều trị bệnh nên việc giao con chung cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ. Bà C yêu cầu cấp dưỡng là đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà C chung sống với ông K đến năm 2021 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông K hiện có địa chỉ cư trú tại xã P, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà C và ông K là do tự tìm hiểu có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn lần hai tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 14/5/2019

nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà C vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông K. Bản thân ông K cũng thừa nhận ông đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng như gặp mặt trực tiếp hay gọi điện, nhờ người lớn hai bên nhưng bà C vẫn kiên quyết không quay về chung sống mà nộp đơn xin ly hôn.

Nguyên nhân ly hôn bà C trình bày là do ông K không chăm lo gia đình, ông bà thường xuyên cự cãi về kinh tế mà không tìm được tiếng nói, ông K có nhiều lời xúc phạm bà cùng gia đình nên bà không chấp nhận được. Phía ông K cho rằng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình không thể dẫn đến ly hôn, bà C đang có tình cảm với người khác nhưng ông chỉ nghi ngờ và không có chứng cứ.

Tại các phiên hòa giải ngày 02/6/2022 và 16/6/2022 Tòa án đã lắng nghe lời trình bày về mâu thuẫn của ông bà và phân tích nhằm tìm ra giải pháp hàn gắn nhưng bà C vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu Tòa không hòa giải tình cảm mà tiến hành xét xử vụ án.

Xét thấy mâu thuẫn của bà C và ông K mới phát sinh vào tháng 02/2022 nhưng trầm trọng, thể hiện qua sự kiên quyết ly hôn của bà C dù ông K dùng nhiều cách để hàn gắn mà không có kết quả, gia đình hai bên không có ý kiến, để ông bà tự giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy khả năng ông bà quay lại chung sống hạnh phúc là không thể nên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 02 con chung tên tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 19/12/2010 và Trần Đăng K, sinh ngày 14/6/2019, hiện do bà C và gia đình cùng chăm sóc.

Xét thấy, từ khi ly thân đến nay, hai cháu đều do bà C nuôi dạy, chăm sóc, tình cảm mẹ - con gắn bó, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu sau này. Quan trọng hơn, cháu T có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà C và cháu K tuy đã đủ 36 tháng tuổi nhưng cháu đang được điều trị bệnh về khiếm thính cần sự chăm sóc từ mẹ nên việc tiếp tục giao hai con chung cho bà C nuôi dưỡng là phù hợp với sức khỏe của con chung, hoàn cảnh hiện tại và quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu được nuôi một con chung của ông K, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông K hiện đang là tài xế xe nên việc thường xuyên di chuyển và không ở nhà trực tiếp chăm sóc cháu K trong quá trình điều trị bệnh về khiếm thính. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét cho ông K được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với việc bà C yêu cầu yêu cầu ông K cấp dưỡng với mức 2.000.000đ/con/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa hôm nay bà C không có chứng cứ chứng minh thu nhập của ông K nên mức cấp dưỡng bà yêu cầu không được xem xét.

Do đó, ông K phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật với mức 745.000đ/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi theo quy định tại mục 2 phần II Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao về giải đáp bổ sung một số vấn đề về áp dụng pháp luật hướng dẫn “mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con”. Thời gian thực hiện cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà C cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm; Ông Kháng phải chịu án phí cấp dưỡng. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Trần Văn K.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32 ngày 14/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã P không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim C được tiếp tục nuôi cháu Trần Thị Anh T, sinh ngày 19/12/2010 và Trần Đăng K, sinh ngày 14/6/2019.

Ông Trần Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng 745.000đ/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện kể từ ngày tuyên án (tháng 7/2022)

Bà C cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006458 ngày 10/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Ông K chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/7/2022) thời hạn kháng cáo của đương sự được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thảo Ngân